

Bản án số: 71/2020/HS-PT

Ngày: 20-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Vũ Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 78/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 đối với Vũ Xuân T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 08-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/HSPT-QĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/HSPT-QĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Vũ Xuân T**, sinh năm: 1957 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn 3, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Xuân C (đã chết) và bà Phạm Thị M (đã chết); có vợ là Vũ Thị L và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30-01-2020 đến ngày 07-02-2020. Bị cáo tại ngoại, hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn T1**, sinh năm: 1983 tại Hải Dương; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con

ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Bùi Thị M và 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 09 của ngày 25/5/2007 của TAND huyện N xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích);

Năm 2009 trưởng Công an huyện N xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc, bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng (đã được xóa);

Bản án hình sự sơ thẩm số 22 ngày 28/7/2014 của TAND huyện N xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích);

Bản án hình sự sơ thẩm số 32 ngày 18-11-2015 của TAND huyện N xử phạt 11 tháng tù về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17-3-2020 đến ngày 18-3-2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn A**, sinh năm: 1975 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn 3, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Phạm Thị L và 03 con; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 04 ngày 21-01-2016 của TAND huyện N, xử phạt 25 tháng tù về tội Đánh bạc, ngày 27-3-2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích;

Nhân thân: Năm 2007 bị Trưởng Công an huyện Q, tỉnh T, xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc;

Năm 2008 bị Trưởng công an huyện N xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc (đã được xóa);

Bản án số 27 ngày 10-8-2012 bị Tòa án nhân dân huyện N, xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30-01-2020 đến ngày 07-02-2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Vũ Như T2**, sinh năm: 1981 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn 2, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Như Đ, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Vũ Thị N, sinh năm: 1957; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 13 ngày 10-02-2014, TAND tỉnh Q xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04-02-2020 đến ngày 07-02-2020. Bị cáo tại ngoại, hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. **Phạm Đình K**, sinh năm: 1978 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 1/7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Đình H và bà Phạm Thị N (đã chết); có vợ là Đình Thị S và 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 27 ngày 10-8-2012 của TAND huyện N xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích);

- Bản án hình sự sơ thẩm số 24 ngày 04-7-2017 của TAND huyện N xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích);

- Năm 2018 bị Trưởng công an huyện N xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng (đã được xóa). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04-02-2020 đến ngày 07-02-2020. Bị cáo tại ngoại, hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Vụ án còn có 04 bị cáo không kháng cáo gồm: Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ; Đặng Hữu Y; Nguyễn Tất T3 và bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 30-01-2020 (T3c ngày 06 tháng giêng – âm lịch), Vũ Xuân T, Nguyễn Văn A, Vũ Như T2, Nguyễn Văn Đ, Phạm Đình K, Nguyễn Văn T1 đến nhà của Nguyễn Văn L ở thôn 3, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương ngồi chơi và uống nước. Tại đây, có người nói: “*Làm tý*” tất cả nhóm hiểu là đánh bạc nhưng L không đồng ý cho đánh bạc tại nhà L nên nói: “*Có chơi sang nhà thờ*” nên cả nhóm đi sang nhà thờ họ Nguyễn Văn của gia đình ông Nguyễn Văn T4 ở cùng thôn (ông T4 là chú ruột L), nhà thờ do bà Vũ Thị L1 trông coi vẫn mở cửa để cho người trong họ đến thắp hương. Khi đến nhà thờ T1 lấy kéo cắt 02 quân tổ tôm có sẵn ở đó thành 04 quân bài vị, L lấy 01 bát và 01 đĩa sứ mang ra chiếu đã trải sẵn ở đó để cùng T, A, T2, K, Đ, T1 đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền, bằng hình thức xóc đĩa. T là người cầm cái.

Hình thức đánh bạc như sau: cho 04 quân vị hình tròn vào trong lòng của đĩa sứ rồi lấy bát sứ úp lên. Người cầm cái dùng hai tay cầm vào bát sứ, đĩa

sứ xóc lên rồi đặt bát và đĩa xuống chiếu để mọi người đặt tiền thấp nhất là 500.000 đồng cao tùy người cầm cái. Khi những người đánh bạc đặt cửa mặt chẵn hoặc lẻ xong thì người cầm cái mở bát để xác định người thắng, thua. Khi mở bát có 04 quân vị cùng một màu (xanh, mặt có chữ) hoặc 02 quân vị màu xanh, 02 quân vị mặt có chữ thì người đặt cửa chẵn sẽ thắng và sẽ được lấy số tiền tương ứng số tiền mà họ đã đặt cược trước đó. Còn 03 quân vị một màu, 01 quân vị mặt có chữ thì gọi là lẻ hoặc ngược lại thì người đặt cửa lẻ sẽ thắng và được lấy số tiền tương ứng số tiền mà họ đặt cược trước đó. T là người cầm cái lấy tiền của người thua trả cho người thắng, nếu thừa thì được hưởng, nếu thiếu thì phải bù. Đang đánh bạc thì có người nói: *“Mỗi người bỏ ra 200.000 đồng cho người quét dọn nhà thờ”* nên L, T, A, T2, K, Đ và T1 nhất trí và lấy tiền đánh bạc mỗi người bỏ ra 200.000 đồng được 1.400.000 đồng, để đưa cho L. Khi đang đánh bạc thì có Nguyễn Tất T3 và Đặng Hữu Y đến và cùng tham gia đánh bạc trái phép. Đến 18 giờ 10 phút cùng ngày Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hải Dương phát hiện, bắt quả tang. Thu tại chiếu bạc tổng số tiền là 21.500.000 đồng cùng 01 bát sứ hoa, 01 đĩa sứ hoa, 04 quân vị tròn được cắt từ quân tổ tôm có 01 mặt xanh và 01 mặt chữ, 01 chiếc chiếu cói, 01 chiếc kéo cũ. Thu giữ trên người T số tiền 9.010.000 đồng. Trong quá trình bắt giữ K, T3, T2, Y và T1 đã bỏ trốn. Đến ngày 04-02-2020 K, T3, T2, Y ra đầu thú tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hải Dương, tại đây Y đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc trái phép. Ngày 17-02-2020, T1 bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện N bắt truy nã.

Quá trình điều tra các bị cáo tự khai có số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau:

- Vũ Xuân T khai sử dụng 15.510.000 đồng dùng vào việc đánh bạc đến khi bị bắt thu trên người còn 9.010.000 đồng.

- Nguyễn Văn L khai sử dụng 12.300.000 đồng dùng vào việc đánh bạc đến khi bị bắt không còn tiền.

- Nguyễn Văn A khai sử dụng 3.500.000 đồng dùng vào việc đánh bạc đến khi bị bắt không còn tiền.

- Đặng Hữu Y khai sử dụng 3.000.000 đồng dùng vào việc đánh bạc ra đầu thú đã giao nộp 3.000.000 đồng tiền sử dụng đánh bạc.

- Vũ Như T2 khai sử dụng 1.800.000 đồng dùng vào việc đánh bạc đến khi bị bắt không còn tiền.

- Nguyễn Văn Đ khai sử dụng 1.600.000 đồng dùng vào việc đánh bạc đến khi bị bắt không còn tiền.

- Phạm Đình K khai sử dụng 1.200.000 đồng dùng vào việc đánh bạc đến khi bị bắt không còn tiền.

- Nguyễn Tất T3 khai sử dụng 1.000.000 đồng dùng vào việc đánh bạc đến khi bị bắt không còn tiền.

- Nguyễn Văn T1 khai sử dụng 300.000 đồng dùng vào việc đánh bạc đến khi bị bắt không còn tiền.

Tổng số tiền các bị cáo tự khai sử dụng đánh bạc là 40.210.000 đồng. Tuy nhiên, kết quả điều tra chỉ chứng minh được tổng số tiền của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là: 34.910.000 đồng (*trong đó: thu tại chiếu bạc 21.500.000 đồng; thu trên người T 9.010.000 đồng; bị cáo Y giao nộp 3.000.000 đồng và 1.400.000 đồng các bị cáo góp đưa cho L để trả công người quét dọn nhà thờ*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 08-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tuyên bố các bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Đ, Phạm Đình K, Vũ Như T2, Đặng Hữu Y, Nguyễn Tất T3 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Đ, Phạm Đình K, Vũ Như T2, Đặng Hữu Y, Nguyễn Tất T3; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Vũ Xuân T; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn A; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS đối với bị cáo Phạm Đình K và Vũ Như T2.

Xử phạt:

- Bị cáo Vũ Xuân T 20 (*hai mươi*) tháng tù được trừ 08 ngày tạm giữ còn phải chấp hành 19 (*mười chín*) tháng 22 (*hai mươi hai*) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 16 (*mười sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 17-3-2020.

- Bị cáo Nguyễn Văn A 13 (*mười ba*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 30-01-2020.

- Bị cáo Phạm Đình K 12 (*mười hai*) tháng tù được trừ 03 (*ba*) ngày tạm giữ còn phải chấp hành 11 (*mười một*) tháng 27 (*hai mươi bảy*) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Bị cáo Vũ Như T2 12 (mười hai) tháng tù được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn áp dụng điều luật và quyết định hình phạt đối với các bị cáo L, Đ, Y, T3; quyết định hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11, 20-5-2020, các bị cáo A, T1 đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 12, 18, 20-5-2020 các bị cáo K, T2, T đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, T1, A, T2, K đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu: Về việc chấp hành pháp luật và tuân theo pháp luật những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đảm bảo theo quy định của pháp luật. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo T, T1, A, K được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo T1 từ 03 đến 06 tháng; bị cáo A, K giảm từ 03 đến 05 tháng. Riêng bị cáo T phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Bị cáo T2 không có tình tiết giảm nhẹ mới vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T2. Các bị cáo T, T1, A, K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo T2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn A, Vũ Như T2, Phạm Đình K kháng cáo trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời

gian từ 17 giờ đến 18 giờ 10 phút, ngày 30-01-2020 tại nhà thờ Nguyễn Văn của gia đình ông Nguyễn Văn T4 ở thôn 3, V, N, Hải Dương, Vũ Xuân T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Đ, Phạm Đình K, Vũ Như T2, Đặng Hữu Y, Nguyễn Tất T3 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền, tổng số tiền đánh bạc **34.910.000đ** (trong đó: thu tại chiếu bạc 21.500.000 đồng; thu trên người T 9.010.000 đồng; bị cáo Y giao nộp 3.000.000 đồng sử dụng đánh bạc sau khi đầu thú và 1.400.000 đồng các bị cáo góp đưa cho L để cho người quét dọn nhà thờ) bằng hình thức đánh xóc đĩa thì bị cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang.

Mặc dù các bị cáo khai số tiền của từng bị cáo sử dụng đánh bạc tổng số 40.210.000đ, so với số tiền thu tại chiếu bạc và số tiền các bị cáo giao nộp 34.910.000đ chênh lệch số tiền 5.300.000đ. Quá trình đánh bạc không có ai về trước, không có ai canh gác, cầm cố cho vay tiền, ngoài các bị cáo nêu trên không còn ai tham gia đánh bạc, các bị cáo đều khai không cầm tiền khi bỏ chạy (trừ bị cáo Y), quá trình điều tra không chứng minh được số tiền cụ thể của từng người có trước khi đánh bạc nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung với tổng số tiền sử dụng đánh bạc **34.910.000** đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321BLHS. Do không xác định được người chủ mưu, đề xuất nên các bị cáo đều tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn vì không có sự chuẩn bị, câu kết, tổ chức chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm. Cấp sơ thẩm đánh giá tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo đã áp dụng và quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

3.1 Đối với bị cáo Vũ Xuân T: Tham gia đánh bạc từ đầu, khi bị bắt có số tiền đánh bạc nhiều nhất và là người cầm cái điều hành việc đánh bạc, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ gồm: Phạm tội lần đầu, thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo 20 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã giao nộp giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động toàn dân ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 và biên lai nộp xong án phí và tiền phạt. Bị cáo được áp dụng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người cao tuổi (63 tuổi), có nhân thân tốt, bản thân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật

hình sự. Cần chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo và khoan hồng của pháp luật phù hợp hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 Bộ luật hình sự.

3.2 Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn A:

Bị cáo T1 là người cắt quân bài vị; các bị cáo T1, A đều tham gia đánh bạc từ đầu, khi bị bắt không còn tiền. Bị cáo An có 01 tiền án chưa được xóa về tội đánh bạc nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xử phạt bị cáo T1 16 tháng tù, bị cáo A 13 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo đã giao nộp được biên lai đã nộp xong án phí và tiền phạt thể hiện ý thức chấp hành pháp luật, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó cần chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

3.3 Đối với kháng cáo xin hưởng mức án nhẹ nhất cải tạo tại địa phương và xin hưởng án treo của các bị cáo Vũ Như T2 và Phạm Đình K:

Các bị cáo K, T2 đều tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt không còn tiền. Các bị cáo đều đầu thú và thành khẩn khai báo. Bị cáo K có bố đẻ là người có công được tặng thưởng huân chương. Cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 12 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo T2 không có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét hoàn cảnh trước khi xét xử phúc thẩm bố đẻ đã chết, còn mẹ già, bị cáo là lao động chính. Bị cáo K giao nộp được biên lai nộp xong án phí và tiền phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo giảm một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng và nhân đạo của pháp luật.

Đối với kháng cáo xin cải tạo tại địa phương và hưởng án treo: Các bị cáo T2, K đều có nhân thân xấu, tuy đã được xóa án nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Các bị cáo T2, K không thuộc T1 hợp được hoãn thi hành án theo quy định tại Điều 67 BLHS nên cần bắt tạm giam các bị cáo ngay tại phiên tòa theo quy định tại Điều 347 BLTTHS để đảm bảo thi hành án hình sự.

[4]. Về án phí: Bị cáo Vũ Xuân T, sinh năm 1957 (63 tuổi) là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do bị cáo không có đơn xin miễn án phí nên cấp sơ thẩm xử buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có đơn xin miễn án phí cần sửa nội dung này. Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Kháng cáo của các bị cáo T, T1, A, T2, K được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn A, Vũ Như T2, Phạm Đình K. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 08-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương về hình phạt đối với các bị cáo.

2. Tuyên bố các bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn A, Vũ Như T2, Phạm Đình K phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS đối với bị cáo Vũ Xuân T. Xử phạt bị cáo Vũ Xuân T **20 (hai mươi)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **40 (bốn mươi)** tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20-7-2020.

Giao bị cáo Vũ Xuân T cho UBND xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn T1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 **11 (mười một)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 17-3-2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn A. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A **09 (chín)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 30-01-2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS; Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Vũ Như T2. Xử phạt bị cáo Vũ Như T2 **11 (mười một)** tháng tù, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ, còn phải chấp hành **10 (mười)** tháng **27 (hai mươi bảy)** ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20-7-2020. Quyết định bắt, tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS; Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Phạm Đình K. Xử phạt bị cáo Phạm Đình K **06 (sáu)** tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành **05 (năm)** tháng **27 (hai mươi bảy)** ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20-7-2020. Quyết định bắt, tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị cáo Vũ Xuân T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn A, Vũ Như T2, Phạm Đình K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Ghi nhận bị cáo Vũ Xuân T đã nộp xong tiền phạt bổ sung số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*). Trả lại bị cáo T số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2011/0003685 ngày 13-7-2020 (*do anh Nguyễn Văn Dân nộp thay*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T1 đã nộp xong số tiền 10.200.000đ (*mười triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt theo biên lai thu số AA/2011/0003684 ngày 13-7-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Hải Dương (*do anh Nguyễn Văn Hưng nộp thay*).

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn A đã nộp xong số tiền 10.200.000đ (*mười triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt theo biên lai thu số AA/2011/0003680 ngày 29-6-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N,

tỉnh Hải Dương (do chị Phạm Thị L nộp thay).

- Ghi nhận bị cáo Phạm Đình K đã nộp xong số tiền 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt theo biên lai số AA/2011/0003679 ngày 29-6-2020 và biên lai thu số AA/2011/0003670 ngày 12-5-2020 tại Chi cục thi hành án huyện N, tỉnh Hải Dương.

4. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 20-7-2020

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện N;
- VKSND huyện N;
- Cơ quan CSĐT – Công an huyện N;
- Cơ quan HSNV - Công an huyện N;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hoài